

TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN VÀ DƯỚI NƯỚC 6 THÁNG ĐẦU NĂM 2019

(Trích báo cáo sơ kết của Cục Thú y)

I. TÌNH HÌNH DỊCH BỆNH ĐỘNG VẬT TRÊN CẠN

1.1. Dịch cúm gia cầm (CGC)

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, tổng cộng có

13 ổ dịch CGC xảy ra tại 13 huyện của 11 tỉnh, thành phố; buộc tiêu hủy 23.871 con gia cầm.

- So với cùng kỳ năm 2018, số ổ dịch tăng 13 lần (phân bố cả 3 miền Bắc, Trung, Nam) và số gia cầm bị dịch phải tiêu hủy cao hơn 8 lần.

Bảng 1. So sánh tình hình dịch cúm gia cầm với cùng kỳ năm 2018

Nội dung so sánh	Từ tháng 1 - 6/2018	Từ tháng 1 - 6/2019
Số xã có dịch	1	13
Số huyện có dịch	1	13
Số tỉnh có dịch	1	11
Số gia cầm mắc bệnh, chết, tiêu hủy	3.000	23.871

Một số đặc điểm dịch tễ:

- Các ổ dịch CGC xuất hiện chủ yếu trên gà (chiếm hơn 97% số gia cầm mắc bệnh và bị tiêu hủy), dịch xuất hiện rải rác trong các tháng.

- Virus cúm A/H5N6 lưu hành ở khu vực phía Bắc (Cao Bằng, Hà Nội, Quảng Ninh) và miền Trung (Khánh Hòa, Kon Tum) trong khi virus cúm A/H5N1 tập trung chủ yếu tại các tỉnh khu vực phía Nam.

Nhận định tình hình: Dịch bệnh chủ yếu xảy ra tại hộ chăn nuôi gia cầm nhỏ lẻ, chưa được tiêm phòng vacxin CGC. Các địa phương đã phát hiện, xử lý kịp thời, không để lây lan diện rộng. Dự báo trong các tháng cuối năm 2019, dịch bệnh vẫn xảy ra do nhiều nguyên nhân

khác nhau như: Thời tiết thay đổi, số lượng gia cầm nuôi, việc vận chuyển giữa các địa phương tăng vào cuối năm, trong khi kết quả giám sát xác định virus CGC lưu hành với tỷ lệ tương đối cao (trên 1%).

1.2. Dịch bệnh lở mồm long móng (LMLM)

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, cả nước đã xảy ra 306 ổ dịch LMLM tại 108 huyện của 34 tỉnh, thành phố làm 14.953 con gia súc mắc bệnh (gồm 14.821 con lợn, 76 con bò và 56 con trâu), số gia súc bị tiêu hủy là 11.878 con lợn.

- So với cùng kỳ năm 2018, số ổ dịch và số tỉnh có dịch tăng 34 lần, tuy nhiên dịch xảy ra chủ yếu trên lợn (chiếm 99%).

Bảng 2. So sánh tình hình dịch bệnh LMLM với cùng kỳ năm 2018

Nội dung so sánh	Từ tháng 1 - 6/2018	Từ tháng 1 - 6/2019
Số xã có dịch	9	306
Số huyện có dịch	3	108
Số tỉnh có dịch	1	34
Số gia súc mắc bệnh	612	14.953
Số gia súc mắc bệnh, chết, tiêu hủy	0	11.878

Nhận định tình hình: Các ổ dịch vừa qua chủ yếu xảy ra trên đàn lợn chưa được tiêm phòng vaccin LMLM. Nguy cơ phát sinh các ổ dịch trên đàn gia súc chưa được tiêm phòng vaccin LMLM hoặc đàn gia súc khỏe mạnh được vận chuyển đến vùng có ổ dịch cũ là rất cao.

1.3. Tình hình dịch tai xanh trên lợn

Trong 6 tháng đầu năm 2019, cả nước không có dịch tai xanh trên lợn.

1.4. Bệnh dịch tả lợn châu Phi (DTLCP)

Đầu tháng 2/2019, ổ DTLCP xuất hiện đầu tiên tại thành phố Hưng Yên, tỉnh Hưng Yên. Đến ngày 2/7/2019, bệnh DTLCP xảy ra tại 4.464 xã, 486 huyện của 61 tỉnh/thành phố; tổng số lợn bị bệnh buộc phải tiêu hủy là 2.802.971 con với tổng trọng lượng lũy kế là 180.306 tấn. Ngoài ra, đã có 608 xã thuộc 181 huyện của 37 tỉnh/thành phố đã qua 30 ngày không phát sinh thêm lợn mắc bệnh. Số lợn mắc bệnh và bị tiêu hủy tại các ổ dịch cũ này là 323.620 con; thời gian qua, đã có 108 xã thuộc 20 tỉnh có dịch bệnh đã qua 30 ngày nhưng sau đó lại phát sinh lợn bệnh.

Nhận định tình hình: Trong thời gian tới, nguy cơ bệnh DTLCP tiếp tục phát sinh và lây lan theo 3 hướng sau: (i) dịch bệnh dễ dàng phát tán, lây lan nhanh và lan tỏa đến các địa bàn chưa có dịch; (ii) tái phát các ổ dịch cũ qua 30 ngày; (iii) dịch bệnh xâm nhiễm vào các cơ sở chăn nuôi lợn tập trung, quy mô lớn. Mức độ thiệt hại sẽ rất lớn, trên 10% tổng đàn lợn.

1.5. Tình hình dịch bệnh dại

- Ở người: Theo Viện Vệ sinh dịch tễ Trung ương, 6 tháng đầu năm 2019 có 32 trường hợp tử vong do bệnh dại tại 19 tỉnh, giảm 4 trường hợp so với cùng kỳ năm 2018 (36 ca).

- Ở động vật: Trong 6 tháng đầu năm 2019, cả nước ghi nhận 7 ổ dịch được phát hiện trên chó tại 4 tỉnh là Đắk Nông (2 ổ), Cà Mau (2 ổ), Trà Vinh (2 ổ) và Kiên Giang (1 ổ).

Nhận định tình hình: Nguy cơ bệnh dại tiếp tục xuất hiện trong thời gian tới là cao, do: (i) công tác quản lý đàn chó nuôi của nhiều địa

phương chưa được thực hiện tốt; (ii) tỷ lệ tiêm phòng vaccin dại cho đàn chó nuôi đạt thấp; (iii) công tác tuyên truyền về phòng, chống bệnh dại chưa được thực hiện nghiêm túc; (iv) thời tiết đang trong giai đoạn nắng nóng gay gắt; (v) ý thức tiêm phòng bệnh của người dân ở nông thôn cũng như tại thành thị vẫn chưa cao, chủ quan không tiêm phòng khi bị chó nhà cắn, còn tự điều trị thuốc nam khi bị chó cắn; (vi) người nuôi chó vẫn có thói quen thả rông không rọ mõm dẫn đến tình trạng chó tấn công người gây nhiều hậu quả rất nghiêm trọng.

1.6. Tình hình dịch bệnh khác ở gia súc, gia cầm

Các loại dịch bệnh thông thường khác trên gia súc, gia cầm không xảy ra trầm trọng, không tăng mạnh so với cùng kỳ năm 2018. Đối với trâu, bò phổ biến vẫn là bệnh tụ huyết trùng; bệnh trên lợn gồm các bệnh phó thương hàn lợn, tụ huyết trùng, *E. coli*; bệnh trên gia cầm phổ biến vẫn là các bệnh Newcastle, dịch tả vịt, tụ huyết trùng gia cầm.

1.7. Đánh giá chung

a) Thuận lợi

- Ban Bí thư Trung ương Đảng, Chính phủ, Thủ tướng, các Phó Thủ tướng Chính phủ, Bộ NN&PTNT, các Bộ, Ngành đã rất quan tâm, chỉ đạo rất quyết liệt, đồng thời có sự vào cuộc của các địa phương trong việc kiểm soát dịch bệnh trên gia súc, gia cầm, đặc biệt là các bệnh như DTLCP, CGC, LMLM, dại.

- Lãnh đạo, cán bộ, công chức, viên chức và người lao động của Cục Thú y, các đơn vị thuộc Cục và các cơ quan thú y địa phương đã chủ động, tích cực triển khai quyết liệt các biện pháp phòng, chống dịch bệnh, xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; chủ động giám sát, cảnh báo và ứng phó với dịch bệnh kịp thời.

- Tiếp tục nhận được sự hỗ trợ, hợp tác quan trọng của các Tổ chức quốc tế (FAO, OIE, USAID, CDC,...), chính phủ các nước (Hoa Kỳ, Hàn Quốc,...) trong phòng, chống dịch bệnh; xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh; chủ động giám sát, cảnh báo và ứng phó với dịch bệnh.

b) Khó khăn

- Tổng đàn vật nuôi của cả nước lớn, nhưng phần lớn được nuôi theo hình thức truyền thống, manh mún, nhỏ lẻ, không bảo đảm an toàn vệ sinh thú y, thường trực nguy cơ phát sinh dịch bệnh;

- Công tác thú y tại một số địa phương còn gặp nhiều khó khăn, chưa thực sự được các cấp chính quyền quan tâm hỗ trợ, chưa chủ động lập kế hoạch và chưa bố trí đủ kinh phí triển khai phòng chống dịch bệnh có hiệu quả;

- Chậm hỗ trợ kinh phí cho người chăn nuôi có gia súc, gia cầm buộc phải tiêu hủy và chưa bố trí kinh phí phòng, chống dịch bệnh; mức thù lao cho người tham gia phòng, chống dịch bệnh thấp hơn so với ngày công thực tế, do vậy, việc huy động các lực lượng tham gia phòng, chống dịch bệnh gặp nhiều khó khăn, nhất là trong thời gian kéo dài; nguồn kinh phí dự phòng của địa phương không đủ để chi trả cho các hoạt động phòng, chống dịch bệnh;

- Công tác chủ động giám sát phát hiện, báo cáo và công bố dịch bệnh chưa kịp thời, chính quyền và các cơ quan chuyên môn còn chủ quan, lơ là, không nắm rõ thông tin dịch bệnh, người dân bán chạy động vật mắc bệnh làm lây lan dịch bệnh;

- Việc chấp hành các quy định của pháp luật về thú y của một số tổ chức, cá nhân còn chưa cao. Ví dụ: Tổ chức tiêu hủy lợn bệnh, lợn chết do mắc DTLCP, LMLM chưa kịp thời, để xác lợn chết trong chuồng quá thời gian quy định, người chăn nuôi tự tiêu hủy, vứt xác lợn ra môi trường làm lây lan dịch bệnh;

- Công tác thú y tại một số địa phương bị xáo trộn do sắp xếp lại bộ máy tổ chức, sáp nhập Trạm Thú y huyện với các đơn vị khác thành đơn vị sự nghiệp trực thuộc UBND huyện quản lý; một số địa phương giao UBND xã tuyển chọn và quản lý nhân viên thú y xã nên chất lượng chưa tốt và công tác thú y tại cơ sở không phát huy hiệu quả;

- Tại một số địa phương, việc tuyên truyền, cập nhật thông tin và các văn bản chỉ đạo về

công tác thú y còn chậm hoặc không cập nhật, lưu trữ, đặc biệt tại cấp huyện và cấp xã; công tác tập huấn nâng cao kiến thức chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ thú y chưa được thực hiện thường xuyên;

- Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh tại nhiều địa phương chưa được chú trọng;

- Quản lý vận chuyển chưa tốt, chưa đáp ứng yêu cầu phòng, chống dịch bệnh; điều kiện cơ sở vật chất của hệ thống các trạm kiểm dịch đầu mối giao thông chưa đáp ứng yêu cầu, hầu hết các trạm không có nơi xét nghiệm, không có thiết bị để thực hiện các xét nghiệm nhanh; không có khu vực nuôi nhốt cách ly động vật và nơi lưu giữ sản phẩm động vật,...;

- Tác động tiêu cực của biến đổi khí hậu, diễn biến thời tiết phức tạp như nắng nóng, hạn hán xảy ra thường xuyên hơn; virus gây bệnh lưu hành rộng rãi,.. làm cho công tác phòng chống dịch bệnh gặp nhiều khó khăn.

1.8. Công tác phòng chống dịch

a) Các hoạt động chỉ đạo, điều hành

Trong 6 tháng đầu năm 2019, Cục Thú y đã ban hành hoặc trình các cấp có thẩm quyền ban hành trên 60 văn bản chỉ đạo phòng, chống dịch bệnh động vật.

b) Công tác chủ động phòng dịch bệnh động vật trên cạn

*) Đối với bệnh Cúm gia cầm

- Ngày 22/3/2019, Bộ NN&PTNT tổ chức Hội nghị triển khai “Kế hoạch quốc gia phòng, chống bệnh Cúm gia cầm, giai đoạn 2019 - 2025” được ban hành kèm theo Quyết định số 172/QĐ-TTg ngày 13/2/2019 của Thủ tướng Chính phủ.

- Ngày 18/3/2019, Cục Thú y chủ trì, phối hợp với FAO tổ chức giám sát bệnh Cúm gia cầm tại chợ buôn bán gia cầm sống tại 13 tỉnh trọng điểm. Đồng thời thực hiện giám sát virus Cúm H7N9 tại các tỉnh, thành phố (gồm Quảng Ninh, Lạng Sơn, Lào Cai, Cao Bằng và Hà Nội)

từ tháng 3-9/2019.

- Ngày 18/1/2019, Cục Thú y chủ trì, phối hợp với CDC của Hoa Kỳ tổ chức giám sát bệnh Cúm gia cầm tại 13 tỉnh, thành phố từ tháng 2-12/2019.

Kết quả giám sát CGC đến hết tháng 6/2019: Tổng cộng đã lấy 1.085 mẫu; trong đó 434 mẫu (40,00%) dương tính với cúm A; 19 mẫu (1,75% tổng số mẫu xét nghiệm) dương tính với virus cúm A/H5N1; 8 mẫu (0,73%) dương tính với virus cúm A/H5N6; và 1 mẫu dương tính với virus cúm A/H7, nhưng âm tính với chủng virus cúm A/H7N9 của Trung Quốc.

*) Đối với bệnh Lở mồm long móng

- Thực hiện các Chương trình quốc gia phòng, chống bệnh LMLM giai đoạn 2016 – 2020.

- Ngày 7/5/2019, Cục Thú y tổ chức giám sát sau tiêm phòng đối với bệnh LMLM tại 30 huyện thuộc vùng không chế và 30 huyện thuộc vùng đệm trên địa bàn 20 tỉnh, thành phố trong giai đoạn từ tháng 5 đến tháng 12/2019.

- Cục Thú y đã thu thập mẫu virus LMLM từ các ổ dịch LMLM, từ các chương trình giám sát để gửi sang phòng thí nghiệm tham chiếu của OIE tại Pirbright (Vương quốc Anh), Senasa (Argentina) và Hàn Quốc. Kết quả virus phân lập được tại các ổ dịch trong năm 2018-2019 thuộc type O SEA/Mya 98.

*) Đối với bệnh dịch tả lợn châu Phi

+ Chỉ đạo của Lãnh đạo Chính phủ

- Thủ tướng Chính phủ, Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng, Phó Thủ tướng Vương Đình Huệ đã trực tiếp chủ trì, chỉ đạo tại 5 Hội nghị về phòng, chống bệnh DTLCP.

- Thủ tướng Chính phủ đã trực tiếp đến cơ sở (Đồng Anh, Hà Nội) để kiểm tra và chỉ đạo tổ chức công tác phòng, chống bệnh DTLCP.

- Thủ tướng Chính phủ đã phân công Phó Thủ tướng Trịnh Đình Dũng trực tiếp chỉ đạo trong công tác phòng, chống bệnh DTLCP.

+ Lãnh đạo Bộ NN&PTNT đã chủ trì hàng chục hội nghị, hội thảo để quán triệt công tác phòng, chống dịch bệnh.

+ Lãnh đạo Cục Thú y và các đơn vị thuộc Cục đã tổ chức hàng chục đoàn công tác đến các địa phương có nguy cơ cao và các địa phương xảy ra dịch bệnh để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, hỗ trợ hóa chất và hướng dẫn tổ chức thực hiện phòng, chống bệnh DTLCP.

*) Phòng, chống bệnh dại ở động vật

- Bộ trưởng Bộ NN&PTNT đã ban hành Chỉ thị số 3402/CT-BNN-TY ngày 16/5/2019 về việc tập trung triển khai quyết liệt, đồng bộ các giải pháp quản lý chó nuôi và phòng, chống bệnh dại ở động vật.

- Lãnh đạo các đơn vị thuộc Cục đã tổ chức các đoàn công tác đến các địa phương có nguy cơ cao và các địa phương, đặc biệt tại khu vực Tây Nguyên và đồng bằng sông Cửu Long để chỉ đạo, kiểm tra, đôn đốc, tổ chức thực hiện phòng, chống xảy ra dịch bệnh dại.

1.9. Xây dựng vùng, cơ sở an toàn dịch bệnh động vật trên cạn

- Tổ chức thực hiện “Chương trình quốc gia giám sát bệnh CGC” tập trung vào chuỗi sản xuất gia cầm xuất khẩu, nhằm đảm bảo ATDB đối với cúm gia cầm, đáp ứng yêu cầu xuất khẩu, tạo điều kiện thuận lợi trong việc xuất khẩu thịt gà chế biến của Việt Nam ra thế giới (đã có 2 công ty được xuất khẩu thịt gà chế biến sang thị trường Nhật Bản).

- Hiện nay, toàn quốc có 28 vùng ATDB cấp huyện, 129 cơ sở ATDB cấp xã và 1.642 cơ sở ATDB cấp trang trại; Cục Thú y đang hỗ trợ tích cực cho các công ty GreenFeed, CP, Phú Gia, ... xây dựng các chuỗi sản xuất thịt lợn, thịt gà ATDB theo khuyến cáo của OIE.

II. CÔNG TÁC PHÒNG, CHỐNG DỊCH BỆNH THỦY SẢN

Từ ngày 1/1 - 22/6/2019 (6 tháng), tổng diện tích nuôi trồng thủy sản của các tỉnh bị thiệt hại là hơn 13.762 ha, giảm 12,3% so với cùng kỳ

năm 2018 (có tổng diện tích bị thiệt hại là 15.688 ha); ngoài ra có khoảng 216 bè, vèo và 262 lồng nuôi thủy sản cũng bị thiệt hại. Tổng diện tích nuôi cá tra bị thiệt hại là 59,57 ha, giảm 50% so với cùng kỳ năm 2018 và chiếm 1,86% tổng diện tích nuôi cá tra của cả nước (3.194 ha).

2.1. Tình hình thiệt hại trên tôm nuôi nước lợ

Tổng diện tích nuôi tôm nước lợ bị thiệt hại là 12.356 ha, giảm 18,05% so với cùng kỳ năm 2018 (có tổng diện tích bị thiệt hại là 15.079 ha) và chiếm 1,99% tổng diện tích nuôi tôm của cả nước (số liệu diện tích thả nuôi cập nhật đến ngày 22/5/2019 của Tổng cục Thủy sản là 621.301 ha). Trong đó:

- Diện tích nuôi thâm canh, bán thâm canh bị thiệt hại là 3.594 ha, quảng canh, quảng canh cải tiến là 7.758 ha, còn lại là tôm lúa và các hình thức nuôi khác (1.004 ha).

- Tổng diện tích tôm nuôi bị bệnh là 2.747 ha, giảm 41,23% so với cùng kỳ năm 2018 (có tổng diện tích bị bệnh là 4.674 ha); không xác

định nguyên nhân 6.712 ha, còn lại là do biến đổi môi trường, thời tiết (2.897 ha).

a) Bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND)

Trong 6 tháng đầu năm 2019, bệnh xảy ra tại 132 xã của 41 huyện, thị xã thuộc 13 tỉnh, thành phố. Tổng diện tích bị bệnh là 1.073,01 ha, trong đó:

- + Diện tích tôm sú bị bệnh là 347,95 ha; tôm thẻ bị bệnh là 725,06 ha. Tôm bệnh có độ tuổi từ 10-120 ngày sau thả.

- + Diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh bị bệnh là 1.004,44 ha; quảng canh, quảng canh cải tiến và tôm lúa là 68,57 ha.

- + Tỉnh Sóc Trăng có diện tích bị bệnh lớn nhất (chiếm 37,26% tổng diện tích bị bệnh của các tỉnh), sau đó đến tỉnh Trà Vinh, Bạc Liêu và các địa phương khác.

- So với 6 tháng đầu năm 2018, phạm vi có tôm mắc bệnh giảm 29 xã (giảm 18%) và diện tích có tôm mắc bệnh giảm 46%.

Bảng 3. Tổng hợp dịch bệnh hoại tử gan tụy cấp 6 tháng đầu năm 2019

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
Số tỉnh có dịch	15	13
Số huyện có dịch	47	41
Số xã có dịch	161	132
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	1.984,75	1.073,01

b) Bệnh đốm trắng (WSD)

Trong 6 tháng đầu năm 2019, bệnh xảy ra tại 150 xã của 54 huyện, thị xã thuộc 19 tỉnh, thành phố.

Tổng diện tích thiệt hại do bệnh là 1.018,65 ha, trong đó:

- + Diện tích nuôi tôm sú bị bệnh là 391,28 ha; tôm thẻ bị bệnh là 627,37 ha. Tôm bệnh có độ tuổi từ 10-105 ngày sau thả.

- + Diện tích nuôi thâm canh và bán thâm canh bị bệnh là 732,45 ha; quảng canh, quảng canh cải tiến và tôm lúa là 286,2 ha.

- + Tỉnh Kiên Giang có diện tích bị bệnh lớn nhất (262,9 ha), chiếm 25,8% tổng diện tích bị bệnh của các tỉnh, sau đó đến tỉnh Bến Tre, Trà Vinh và các địa phương khác.

- So với 6 tháng đầu năm 2018, phạm vi có tôm mắc bệnh giảm hơn 19% và diện tích có tôm mắc bệnh giảm 44%.

Bảng 4. Tổng hợp dịch bệnh đốm trắng 6 tháng đầu năm 2019

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
Số tỉnh có dịch	20	19
Số huyện có dịch	58	54
Số xã có dịch	185	150
Tổng diện tích bị bệnh (ha)	1.810,25	1.018,65

c) Nguyên nhân khác

- Bệnh đỏ thân: 236,04 ha tôm nuôi bị đỏ thân tại các tỉnh Ninh Thuận (1,5 ha), Trà Vinh (197,54 ha), Bạc Liêu (27,5 ha) và Cà Mau (9,5 ha).

- Bệnh phân trắng: 251,29 ha tôm nuôi bị bệnh tại Trà Vinh (107,49 ha), Sóc Trăng (104,6 ha), Bạc Liêu (39 ha) và Cà Mau (0,2 ha).

- Bệnh hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (IHHNV): 164,19 ha tôm nuôi tại Bến Tre bị bệnh.

- Bệnh do Vi bào tử trùng: 31,37 ha tôm nuôi tại Hải Phòng.

- Chậm lớn, còi: 26,55 ha tôm lúa nuôi tại Kiên Giang.

- Do môi trường: 2.897,6 ha bị thiệt hại do biến đổi môi trường, cụ thể: Quảng Nam (8,4 ha), Quảng Ngãi (0,9 ha), Long An (38,5 ha), Kiên Giang (1.715,65 ha quảng canh và tôm lúa), Trà Vinh (6,95 ha), Sóc Trăng (979,2 ha) và Bạc Liêu (148 ha).

- Chưa xác định/không rõ nguyên nhân: 6.711,93 ha tôm nuôi bị thiệt hại nhưng địa phương không lấy mẫu để xác định nguyên nhân hoặc đã lấy mẫu nhưng chưa có kết quả, cụ thể: Nghệ An (13 ha), Quảng Nam (3,2 ha), Trà Vinh (18,8 ha) và Cà Mau (6.676,93 ha, trong đó chủ yếu diện tích nuôi quảng canh và quảng canh cải tiến).

Ngoài các nguyên nhân trên, tôm nuôi còn bị đốm đen, đường ruột nhưng với diện tích nhỏ, không đáng kể.

Nhận định tình hình dịch bệnh trên tôm:

- Trong 6 tháng đầu năm 2019, dịch bệnh trên tôm giảm cả về phạm vi và diện tích có tôm nuôi bị bệnh so với cùng kỳ năm 2018.

- Diện tích thiệt hại sẽ tăng mạnh trong thời gian tới do các điều kiện bất lợi của thời tiết, các loại mầm bệnh nguy hiểm còn lưu hành nhiều ở các vùng nuôi nên nguy cơ dịch bệnh tăng cao. Nhiệt độ, độ mặn tăng cao có thể làm tôm chậm lớn (không lột xác), kém phát triển. Bên cạnh đó có thể tạo điều kiện cho một số loại mầm bệnh phát triển, nên thời gian tới nguy cơ dịch bệnh có thể tăng. Do đó, cần có giải pháp khắc phục như quản lý mùa vụ nuôi, có ao lắng để trữ nước sử dụng khi cần thiết; chỉ thả giống khi đạt đủ điều kiện nuôi, nghiên cứu điều chỉnh quy trình nuôi phù hợp và áp dụng các biện pháp tổng hợp phòng, chống dịch bệnh.

2.2. Bệnh trên cá tra

Trong 6 tháng đầu năm 2019, thiệt hại trên cá tra xảy ra tại 29 xã của 10 huyện tại 3 tỉnh, thành phố gồm: Cần Thơ, An Giang và Đồng Tháp với tổng diện tích bị thiệt hại là 59,57 ha, cụ thể:

- Bệnh gan thận mũ: 1,5 ha cá giống và 9,8 ha cá nuôi tại An Giang.

- Bệnh do ký sinh trùng: 8,6 ha cá giống và 0,5 ha cá nuôi bị bệnh tại Đồng Tháp.

- Bệnh xuất huyết: 17,4 ha cá giống tại Đồng Tháp, An Giang và Cần Thơ; 29,45 ha cá nuôi tại An Giang và Đồng Tháp bị bệnh.

Ngoài ra còn một diện tích nhỏ cá tra bị trắng gan, trắng mang, nhiễm khuẩn.

Bảng 5. Tổng hợp tình hình thiệt hại trên cá tra 6 tháng đầu năm 2019

Các thông số so sánh	Thời gian so sánh	
	6 tháng đầu năm 2018	6 tháng đầu năm 2019
Số tỉnh thiệt hại	3	3
Số huyện thiệt hại	13	10
Số xã thiệt hại	53	29
Tổng diện tích thiệt hại (ha)*	119,91	59,57

*Ghi chú: * Một số diện tích nuôi bị thiệt hại do bị nhiễm từ 2 bệnh trở lên, do vậy có sự sai khác giữa diện tích bị thiệt hại theo từng bệnh với tổng diện tích thiệt hại thực tế.*

Nhận định: So với cùng kỳ năm 2018, thiệt hại trên cá tra 6 tháng đầu năm 2019 giảm 45% về phạm vi và 50% về diện tích.

2.3. Thiệt hại trên các loài thủy sản khác

- Nghêu/ngao: 1.310,8 ha trong đó 1.278,8 ha ngao/nghêu nuôi tại Hải Phòng (1.170 ha), Thanh Hóa (60 ha) và Trà Vinh (48,8 ha) bị thiệt hại nhưng không rõ nguyên nhân; 32 ha ngao nuôi tại Ninh Bình (30 ha) và Hải Phòng (2 ha) bị thiệt hại do sâu biển.

- Tôm hùm: 30 lồng nuôi tôm hùm tại Khánh Hòa có tôm bị thiệt hại do bệnh sữa và 18.572 con tôm hùm tại Phú Yên bị đen mang và thiệt hại do môi trường.

- Cá bớp: 90 lồng nuôi tại Phú Yên có hiện tượng chết không rõ nguyên nhân.

- Cá mú: tại Phú Yên 88 lồng cá nuôi có hiện tượng cá chết không rõ nguyên nhân và 0,45 ha bị xuất huyết.

- Cá chẽm: 50 lồng nuôi tại Phú Yên và Bà Rịa - Vũng Tàu có hiện tượng cá bị nhiễm ký sinh trùng (30 lồng) và chết không rõ nguyên nhân (20 lồng).

- Tôm càng xanh: 3 ha tôm nuôi theo hình thức tôm - lúa tại Kiên Giang bị thiệt hại do môi trường.

- Cá điêu hồng: 71 bè và 5 ha cá nuôi tại An Giang (30 bè) và Đồng Tháp (41 bè và 5 ha) bị xuất huyết, lồi mắt và thối mang.

- Cá thát lát cườm: 155 vèo nuôi tại An Giang

bị xuất huyết.

- Cá rô phi: 29,7 ha diện tích sản xuất cá rô phi giống tại Bình Định bị thiệt hại không rõ nguyên nhân.

- Cá lóc: 0,5 ha sản xuất giống tại An Giang bị xuất huyết; 5 bè và 12,29 ha cá nuôi tại An Giang và Đồng Tháp bị xuất huyết, ký sinh trùng.

2.4. Hướng dẫn xây dựng kế hoạch phòng chống dịch bệnh

Tính đến 20/6/2019, 35/63 tỉnh, thành phố đã có kế hoạch phòng, chống dịch bệnh thủy sản; trong đó có 24 tỉnh, thành phố đã bố trí trên 56,6 tỷ đồng. Tuy nhiên, một số tỉnh (7 tỉnh) không bố trí riêng kinh phí cho công tác phòng, chống dịch bệnh thủy sản. Số lượng các địa phương, nhất là các địa phương trọng điểm về nuôi tôm có kế hoạch và có bố trí kinh phí còn rất thấp, không đủ để triển khai công tác phòng chống dịch bệnh, đặc biệt là hoạt động giám sát chủ động đã và đang phát huy hiệu quả trong nhiều năm qua.

2.5. Tổ chức triển khai phòng, chống dịch bệnh tại cơ sở

Cục Thú y và các đơn vị thuộc Cục đã thành lập các đoàn công tác trực tiếp hướng dẫn, kiểm tra, đôn đốc và phối hợp tổ chức phòng, chống dịch bệnh tại một số tỉnh trọng điểm về nuôi trồng thủy sản.

2.6. Giám sát cảnh báo dịch bệnh

Triển khai Quyết định 1038/QĐ-BNN-TY ngày 29/3/2019, ngay từ cuối năm 2018, TYTS

đã chủ trì xây dựng kế hoạch và đề xuất kinh phí nhưng đến nay vẫn chưa có kinh phí để triển khai nhiệm vụ (Công văn số 805/TY- TS ngày 07/5/2019 là công văn thứ 3 báo cáo Bộ về việc bố trí kinh phí; Thứ trưởng đã chỉ đạo Vụ Tài chính cho ý kiến nhưng đến nay Cục Thú y chưa nhận được ý kiến phản hồi về việc này). Cùng ngày, Cục Thú y đã ban hành Công văn số 804/TY-TS gửi Chi cục Thú y các vùng và Chi cục Chăn nuôi Thú y các tỉnh có nuôi tôm, cá tra trong cả nước đề nghị báo cáo kết quả triển khai Kế hoạch Quốc gia về giám sát dịch bệnh phục vụ xuất khẩu.

Kết quả, trong 6 tháng đầu năm 2019 đã có 8 tỉnh thực hiện giám sát dịch bệnh trên tôm gồm: Hải Phòng, Nghệ An, Đà Nẵng, Quảng Nam, Quảng Ngãi, Phú Yên, Bạc Liêu và Trà Vinh. Các bệnh được giám sát bao gồm: Bệnh hoại tử gan tụy cấp tính (AHPND), bệnh Đốm trắng (WSD), bệnh do Vi bào tử trùng (EHP), bệnh Đầu vàng (YHD), bệnh Hoại tử cơ quan tạo máu và cơ quan biểu mô (IHHNV), hội chứng Taura (TSV), bệnh Hoại tử cơ (IMNV) và *Vibrio* tổng số, thực hiện 1.480 lượt xét nghiệm. Kết quả (chi tiết tại bảng 4, Phụ lục III) cho thấy: tôm dương tính với các bệnh AHPND, WSD, EHP, IHHNV với tỷ lệ mẫu dương tính từ 4,94-15,72%, các bệnh khác không phát hiện bao gồm: HYD, IMNV và Taura. Thống kê kết quả triển khai 06 tháng đầu năm 2019 cho thấy

- AHPND: Tỷ lệ mẫu dương tính là 6,55%, giảm 1,2 lần so với cùng kỳ năm 2018 (7,81%).

- WSD: Tỷ lệ mẫu dương tính là 15,72%, tăng 1,2 lần so với cùng kỳ năm 2018 (12,9%).

- EHP: Tỷ lệ mẫu dương tính là 6,03%, giảm 2,8 lần so với cùng kỳ năm 2018 (17,24%).

- IHHNV: Tỷ lệ mẫu dương tính là 4,94%, tăng 1,3 lần so với cùng kỳ năm 2018 (3,77%).

- *Vibrio* tổng số: Tỷ lệ mẫu phát hiện là 8%, giảm 4 lần so với cùng kỳ năm 2018 (28,89%).

Đối với giám sát dịch bệnh trên cá tra: (i) Ngân sách Trung ương: Từ cuối năm 2018, Cục Thú y đã báo cáo Bộ xin kinh phí để triển khai

giám sát cá tra (theo Quyết định số 1038/QĐ-BNN-TY ngày 29/3/2017 của Bộ NN&PTNT ban hành “Kế hoạch Quốc gia giám sát dịch bệnh trên tôm và cá tra góp phần phục vụ xuất khẩu, giai đoạn 2017 - 2020”), tuy nhiên cả Bộ và Cục chưa cân đối được ngân sách (do ưu tiên cho phòng chống bệnh Dịch tả lợn châu Phi) để thực hiện hoạt động giám sát này trong 6 tháng đầu năm 2019; (ii) Ngân sách địa phương: trong 6 tháng đầu năm 2019, một số Chi cục Chăn nuôi và Thú y tỉnh đã triển khai chương trình giám sát bệnh Gan thận mù và Xuất huyết, bao gồm: Đồng Tháp, Vĩnh Long với tổng số 51 mẫu. Trong đó 1/45 mẫu (2,22%) dương tính bệnh Gan thận mù (giảm hơn 4 lần so với cùng kỳ năm 2018, có tỷ lệ mẫu dương tính là 8,87%); 100% âm tính với bệnh Xuất huyết (cùng kỳ năm 2018 tỷ lệ mẫu dương tính là 25%).

2.7. Xây dựng vùng, cơ sở ATDB và chuỗi cơ sở sản xuất tôm an toàn dịch bệnh

- Hướng dẫn, đôn đốc các địa phương có kế hoạch cụ thể thực hiện xây dựng cơ sở an toàn dịch bệnh theo quy định tại Thông tư số 14/2016/TT-BNNPTNT và các văn bản của Bộ NN&PTNT.

- Tính đến thời điểm hiện tại, cả nước có 3 cơ sở nuôi cá chép Koi đã được Cục Thú y đánh giá cấp chứng nhận ATDB đối với bệnh virus mùa xuân trên cá (SVC), trong đó có 1 cơ sở được công nhận ATDB với bệnh KHV; và duy nhất 1 cơ sở sản xuất tôm giống của Công ty Cổ phần Việt - Úc Bạc Liêu được Cục Thú y đánh giá, xác nhận đáp ứng các tiêu chí về ATDB theo khuyến cáo của Tổ chức thú y thế giới (OIE) đối với 5 bệnh trên tôm.

Hiện nay, có 5 cơ sở đăng ký xây dựng cơ sở ATDB trên tôm theo quy định của Việt Nam và OIE gồm: Tập đoàn Việt Úc, công ty cổ phần thực phẩm Trung Sơn, công ty TNHH Đầu tư thủy sản Nam Miền Trung, công ty TNHH thủy sản Đắc Lộc và công ty cổ phần chăn nuôi C.P Việt Nam (đăng ký với địa phương). Cục Thú y đã cử cán bộ kỹ thuật đến hỗ trợ khảo sát và hướng dẫn 4 công ty xây dựng các kế hoạch an toàn sinh học và giám sát dịch bệnh./.

HƯỚNG DẪN TRÌNH BÀY MỘT BÀI BÁO KHOA HỌC, GỬI BÀI VÀ LỆ PHÍ

I. TRÌNH BÀY BÀI BÁO KHOA HỌC (Khổ: A4, cỡ chữ: 12, font chữ: Time New Roman. Tổng số trang của bài báo không vượt quá 10 trang).

1. Tên bài tiếng Việt và tiếng Anh (Title)

- Tên bài nói lên nội dung chính của nghiên cứu, vấn đề muốn giải quyết (khoảng 20 từ).
- Sau tên bài là tên tác giả, đơn vị công tác, email và địa chỉ nhận Tạp chí biểu (trường hợp nhiều tác giả thì ghi tác giả chính trước, sau đó là các đồng tác giả (không quá 6 tên tác giả, nếu quá số đó ghi thêm là "cs"). Đánh dấu số thứ tự bên cạnh tên tác giả để ghi chú đơn vị công tác).

2. Tóm tắt (Summary)

Nêu ngắn gọn (khoảng 150 - 250 từ), tóm tắt nội dung chính của bài báo, thể hiện bao gồm mục đích, phương pháp và kết quả chính của bài báo. Tóm tắt có 2 phần: bằng tiếng Việt và tiếng Anh, dưới có ghi từ khóa (keywords) là những từ quan trọng nói lên được nội dung chính của nghiên cứu và đặc trưng chủ đề của bài báo. Từ khóa không quá dài, khoảng 5 - 7 từ.

3. Mở đầu hoặc Đặt vấn đề (Introduction)

Lý do thực hiện nghiên cứu: xuất phát từ tình hình thực tế, vấn đề đang xảy ra, vấn đề đang tồn tại, vấn đề đã và đang được quan tâm, yêu cầu cần thiết phải được làm rõ, yêu cầu từ thực tiễn sản xuất, thông tin từ các nước khác qua tài liệu, những kiến thức nào đã có trước, những tác giả đã và đang làm về vấn đề này vv...

4. Nội dung, nguyên liệu và phương pháp nghiên cứu (Contents, Materials and Methods)

4.1. Nội dung nghiên cứu

- Có bao nhiêu nội dung cần nghiên cứu (1, 2, 3, 4 vv...), có tiêu đề của từng nội dung phục vụ cho chủ đề nghiên cứu, phải sắp xếp nội dung nghiên cứu theo logic để dẫn đến kết quả mong muốn của đề tài nghiên cứu.
- Trong nội dung chính có thể có thêm những nội dung phụ.

4.2. Nguyên liệu

- Đối tượng, địa điểm, thời gian và phạm vi nghiên cứu.
- Các nguyên vật liệu, trang thiết bị, phòng thí nghiệm, môi trường, hóa chất, động vật thí nghiệm được sử dụng trong nghiên cứu.

4.3. Phương pháp nghiên cứu

Nếu sử dụng các phương pháp chuẩn đã được ban hành, cần ghi rõ ký hiệu phương pháp, ví dụ theo TCVN, ISO hoặc AOAC.... Trong trường hợp tự xây dựng thí nghiệm cần phải mô tả chi tiết, thiết lập bảng biểu và các chỉ tiêu theo dõi, đánh giá vv...

5. Kết quả và thảo luận (Results and Discussion)

- Mục này trình bày những kết quả nghiên cứu và thảo luận kết quả nghiên cứu theo từng nội dung. Dữ liệu được trình bày theo bảng biểu, đồ thị hình vẽ, hình ảnh v.v... nên tập trung phân tích những điểm có thể chưa rõ, những sự giống hoặc khác biệt với kết quả của các tác giả khác trong và ngoài nước hoặc kết quả không như kỳ vọng. Có thể phân tích những lý do nào đã dẫn đến những kết quả đạt được như kỳ vọng hoặc ngược lại vv...
- Diễn giải phân tích kết quả, những ưu điểm và hạn chế, tách bạch rõ ràng dữ liệu và suy luận.

- Mỗi liên hệ giữa kết quả nghiên cứu của tác giả với những phát hiện khác trong các nghiên cứu trước đó. Chứng minh sự đóng góp của tác giả bổ sung cho lý thuyết và kiến thức, hay điều chỉnh những sai sót của các đề tài nghiên cứu trước đó, hoặc là kết quả đóng góp cho thực tiễn giải quyết được vấn đề đặt ra, hoặc là đưa vào sản xuất diện hẹp, hoặc là chuyển giao công nghệ cho nhà sản xuất vv...

6. Kết luận (Conclusion)

- Kết luận cần rút ra được gì qua kết quả nghiên cứu và biểu thị bằng số liệu định lượng.
- Kết luận chỉ thể hiện kết quả nghiên cứu của tác giả theo nội dung nghiên cứu.
- Kết luận không viết theo kiểu giải thích, hoặc lặp lại như phần giới thiệu.
- Kết luận cần ngắn gọn, rõ ràng.

7. Tài liệu tham khảo (Reference)

- Cần viết một số tài liệu tham khảo chính trong và ngoài nước về cùng chủ đề (không quá 10 tài liệu). Ghi rõ tên tác giả, năm xuất bản, tên tài liệu, nguồn tài liệu (tập, số, trang).

II. GỬI BÀI

- Bản thảo là bản điện tử (file mềm) gửi về tòa soạn theo địa chỉ Email: **tckhktthuy@gmail.com**
- Sau khi xuất bản, tác giả chính trong bài sẽ nhận được 1 quyền miễn phí, gửi về tận nơi theo đường bưu điện.

III. LỆ PHÍ

Lệ phí phản biện, đăng bài: **500.000 đ/bài** gửi bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản theo địa chỉ:
 Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y: Số 86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội.
 Số tài khoản: **1300 201 220 282**. Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long ./.

MẪU PHIẾU ĐẶT MUA TẠP CHÍ KHKT THÚ Y NĂM 2019

Tên người/đơn vị đặt mua:.....Số ĐT:.....

Địa chỉ (ghi cụ thể để gửi Tạp chí):

Đặt mua: Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y năm 2019 (1 năm 8 số)

Số lượng mỗi số:.....quyển x 8 số =quyển

Giá đơn vị: 35.000đ/quyển

Thành tiền: 35.000đ xquyển =đ

(Ghi bằng chữ:.....)

Tiền đặt mua xin gửi tiền mặt qua bưu điện hoặc chuyển khoản về:

Tạp chí Khoa học kỹ thuật Thú y

86, Trường Chinh, Phương Mai, Đống Đa, Hà Nội

Tài khoản: **1.300 201 220 282**

Ngân hàng Nông nghiệp và PTNT – Chi nhánh Thăng Long

Ngày / /2019

Người đặt mua
(ký và ghi rõ họ tên)

Ghi chú: - Phiếu đặt mua có thể gửi theo bưu điện hoặc qua Email: **tckhktthuy@gmail.com**

- Tòa soạn sẽ gửi tới độc giả đúng số lượng vào địa chỉ như đã đăng ký ở trên theo đường bưu điện.